

Bản án số: 41/2019/HS-PT
Ngày 23 - 4 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thuyên và ông Nguyễn Tài Sử

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Điều Phi Ớn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2019/TLPT-HS ngày 26-02-2019 đối với các bị cáo:

1. Ngô Thị T, sinh năm 1964 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn: 3/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Ngô Hữu Đ (đã chết) và bà Bùi Thị L; có chồng là Đoàn N và 03 con; tại ngoại - Có mặt.

2. Phạm Thị L, sinh năm 1972 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Phạm C và bà Ngô Thị T; có chồng là Lê Phước V và 03 con; tại ngoại - Có mặt.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn C, xã R, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 12-12-2011, Ngô Thị T điện thoại cho Phạm Thị L hẹn đến nhà của Tr (*Tr là em trai của Ngô Thị T*) để đi chứng kiến việc ông Đoàn N có quan hệ bất chính với bà Nguyễn Thị T. Ngô Thị T nhờ Tr nếu ông Đoàn N có đánh thì can ngăn giúp và nhờ K đi theo chụp hình làm bằng chứng. Khi đến nhà Tr, Ngô Thị T mang theo 01 đèn pin (*loại bình điện xách tay*), 01 sợi dây dù, Phạm Thị L đem theo 01 con dao Thái Lan. Sau đó tất cả đi bộ

xuống khu vực rẫy nhà Ngô Thị T (*giáp ranh với rẫy nhà ông K1*). Đến đường mòn trong rẫy, Ngô Thị T nói Tr và K đứng đợi, còn Ngô Thị T và Phạm Thị L đi sang rẫy nhà ông K1. Khi phát hiện có người, Ngô Thị T bật đèn pin và chứng kiến ông Đoàn N đang quan hệ tình dục với bà Nguyễn Thị T. Ngô Thị T và Phạm Thị L chạy tới thì ông Đoàn N ôm quần áo bỏ chạy, trong đó có cả quần bà Nguyễn Thị T, Ngô Thị T nắm tóc bà Nguyễn Thị T và đưa dây dù để Phạm Thị L trói hai tay bà Nguyễn Thị T ra phía sau lưng, sau đó Ngô Thị T và Phạm Thị L dẫn bà Nguyễn Thị T về nhà Ngô Thị T trong tình trạng không mặc quần, chỉ mặc áo thun và áo khoác. Lúc đi ngang qua nhà ông Nguyễn Ngọc L, Ngô Thị T gọi vợ chồng ông Nguyễn Ngọc L ra chứng kiến nhưng ông Nguyễn Ngọc L yêu cầu dẫn bà Nguyễn Thị T ra khỏi sân nhà mình, Ngô Thị T và Phạm Thị L tiếp tục dẫn bà Nguyễn Thị T ra ngã ba (đường rẫy giao nhau với đường liên thôn), bà Nguyễn Thị T nói mệt nên Ngô Thị T cho ngồi nghỉ. Khi đó có Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị T, Hoàng Thị P, Nguyễn Thị P, Bùi Thị L và Nguyễn Thị Tr (em ruột bà Nguyễn Thị T nhìn thấy). Một lúc sau ông Tr1 là Trưởng thôn đến yêu cầu dẫn bà Nguyễn Thị T đến nhà Ngô Thị T để giải quyết, đồng thời báo Công an xã Đ, huyện Đ.

Tại nhà bà Ngô Thị T, Công an xã Đ yêu cầu cởi trói, đưa quần cho bà Nguyễn Thị T mặc và lập biên bản, khi lập xong biên bản bà Nguyễn Thị T bỏ chạy không ký.

Sau đó bà Nguyễn Thị T làm đơn tố cáo ông Đoàn N, Ngô Thị T, Phạm Thị L, ông Trần Thanh Tr và anh Ngô Hữu V sắp đặt làm nhục bà và lấy 5.000.000 đồng, 04 chỉ vàng và 01 sợi dây chuyền vàng trọng lượng 01 chỉ.

Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu NOKIA-C1 màu trắng, 01 điện thoại di động hiệu Mobistar 8128 màu đỏ, 01 con dao Thái Lan cán màu vàng, lưỡi màu bạc dài 10cm, 01 quần thun hoa màu vàng và 01 bình điện xách tay. Riêng 02 vỏ bao ông Đoàn N đem theo để trải quan hệ tình dục với bà Nguyễn Thị T không thu giữ được.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2019/HS-ST ngày 16-01-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp: Áp dụng khoản 1 Điều 123; điểm h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Xử phạt bị cáo Ngô Thị T 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Bắt người trái pháp luật*”, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Phạm Thị L 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Bắt người trái pháp luật*”, thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn quyết định xử lý trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 28-01-2019, bà Nguyễn Thị T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử tăng hình phạt đối với các bị cáo Ngô Thị T và Phạm Thị L; đồng thời xem xét bỏ lọt tội phạm đối với ông Đoàn N, ông Ngô Hữu V và ông Trần Thanh Tr về hành vi “*Bắt người trái pháp luật và cướp tài sản*” vì ông Đoàn N, ông Ngô Hữu V và ông Trần Thanh Tr có tham gia bắt giữ và lấy của bà 5.000.000 đồng, 04 chỉ vàng và 01 sợi dây chuyền vàng trọng lượng 01 chỉ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu quan điểm: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo Ngô Thị T và Phạm Thị L về tội “*Bắt người trái pháp luật*” theo quy định tại khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho các bị cáo.

Bị cáo Ngô Thị T trình bày: Quá trình bị cáo phạm tội do lỗi của bị hại gây ra, như bị hại Nguyễn Thị T có quan hệ bất chính với chồng bị cáo (*ông Đoàn N*), mặc dù đã cảnh báo, nhắc nhở nhiều lần nhưng cả hai (*ông Đoàn N và bà Nguyễn Thị T*) vẫn thường xuyên lén lút quan hệ bất chính và tôi không bắt được quả tang. Mục đích bắt bị hại Nguyễn Thị T là để có bằng chứng yêu cầu chính quyền giải quyết, không có ý làm nhục, tra tấn hoặc có hành vi khác. Bản thân nhận thức pháp luật còn hạn chế không biết bắt người như vậy là vi phạm pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Phạm Thị L trình bày: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội chỉ là theo và hỗ trợ bị cáo Ngô Thị T, giữa bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn gì. Bản thân bị cáo không biết bắt giữ người như vậy là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo,

Bị hại Nguyễn Thị T trình bày: Tại phiên tòa phúc thẩm, tôi giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tăng hình phạt đối với các bị cáo và làm rõ hành vi bỏ lọt tội phạm đối với ông Đoàn N, ông Ngô Hữu V và ông Trần Thanh Tr sắp đặt bắt giữ, làm nhục và đã lấy tiền, vàng của bà gồm 5.000.000 đồng, 04 chỉ vàng và 01 sợi dây chuyền vàng trọng lượng 01 chỉ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2019/HS-ST ngày 16-01-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’lấp xử phạt các bị cáo Ngô Thị T 09 tháng tù nhưng

cho hưởng án treo và Phạm Thị L 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, về tội “*Bắt người trái pháp luật*” theo quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị T cho rằng cấp sơ thẩm xử phạt đối với các bị cáo Ngô Thị T 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và Phạm Thị L 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là quá nhẹ và đề nghị xem xét dấu hiệu bỏ lọt tội đối với ông Đoàn N, ông Ngô Hữu V và ông Trần Thanh Tr, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Về mức hình phạt đối với các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên phạt là tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra.

Đối với ông Đoàn N, ông Ngô Hữu V và ông Trần Thanh Tr, bị hại cho rằng cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm về nội dung kháng cáo này đã có kết quả điều tra của cấp sơ thẩm, sau khi cấp sơ thẩm trả hồ sơ điều tra bổ sung nhiều lần và cấp phúc thẩm đã 02 lần hủy án để giao điều tra lại nhưng không chứng minh được ông Đoàn N, ông Ngô Hữu V và ông Trần Thanh Tr có tham gia bắt giữ bà Nguyễn Thị T và lấy tài sản, nên không có cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Đoàn N, ông Ngô Hữu V và ông Trần Thanh Tr để xử lý theo quy định của pháp luật về tội “*Bắt người trái pháp luật*” và tội “*Cướp tài sản*”.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là có căn cứ nên cần bác đơn kháng cáo của bị hại với các nội dung kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo. Tuy nhiên cần phải sửa bản án sơ thẩm về phần áp dụng pháp luật theo Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 cho phù hợp theo quy định của pháp luật.

[3]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị hại Nguyễn Thị T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo, sửa bản án về điều luật áp dụng.

Áp dụng khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt Ngô Thị T 09 (*Chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Bắt người trái pháp luật*”, thời gian thử thách là 01 (*Một*) năm 06 (*Sáu*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Phạm Thị L 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Bắt người trái pháp luật*”, thời gian thử thách là 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Ngô Thị T và Phạm Thị L cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông quản lý giáo dục các bị cáo. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền trong việc giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp thay đổi nơi cư trú thực hiện theo khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự 02 (Hai) lần trở lên thì buộc thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

2. Về án phí: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị hại Nguyễn Thị T phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ GDKT1);
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Đ;
- CQCSĐT Công an huyện Đắk R’lấp.
- VKSND huyện Đắk R’lấp;
- TAND huyện Đắk R’lấp;
- THAHS Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Đ, huyện Đ;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Tổ HCTP, HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Quốc Hương